

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC
NĂM BÁO CÁO: 2017

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát :

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 3700791715
- Vốn điều lệ : 71.925.500.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 71.925.500.000 đồng
- Địa chỉ: Lô G1-9 , Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên, Thị xã Tân Uyên , Tỉnh Bình Dương
- Số điện thoại: (0274) 3652 768 – (0274) 3652 769
- Số fax: (0274) 3652 766
- Website: www.peteclogistics.com.vn
- Mã cổ phiếu: PLO

Quá trình hình thành và phát triển:

- + Ngày thành lập: 11/4/2007
- + CTCP Kho vận Petec được Sở Kế hoạch và Đầu tư (Sở KH&ĐT) tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 11/04/2007 với số vốn điều lệ ban đầu là 25.000.000.000 đồng. Từ khi thành lập đến nay Công ty chỉ thực hiện 01 lần phát hành vào ngày 31/03/2009, tăng vốn từ 25.000.000.000 đồng lên 71.925.500.000 đồng bằng hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu và cho đối tượng khác.

+ Các mốc sự kiện quan trọng :

Năm 2007: Công ty xây dựng mới hệ thống kho có tổng diện tích 150.000 m². Trong năm 2007 hoàn tất xây dựng kho đầu tiên diện tích 23.000 m², và đã được Tổng Cục Hải Quan cấp phép thành lập Kho Ngoại Quan.

Năm 2009: Công ty tiếp tục xây dựng thêm 30.000 m² kho bao gồm kho nội và kho ngoại quan. Với trang thiết bị hiện đại, tọa lạc tại KCN Nam Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Nằm trên con đường huyết mạch từ Tây Nguyên xuống các tỉnh miền Đông Nam Bộ và Tp.Hồ Chí Minh, có nhiều thuận lợi cho hoạt động logistics như đường giao thông thuận lợi cách trung tâm Tp.Hồ Chí Minh 30 km (50 phút), cảng Sài Gòn khoảng 25 km (45 phút), cảng hàng không Tân Sơn Nhất khoảng 30 km (40phút), cảng kho Sóng Thần 14 km (15 phút). Ngoài ra, Công ty còn có mạng lưới các chi nhánh hoạt động rộng khắp trên lãnh thổ Việt Nam và trên thế giới rất thuận lợi cho quý khách hàng đảm bảo được sự lưu trữ, bảo quản và lưu thông hàng hóa an toàn, nhanh chóng và hiệu quả nhất với chi phí hợp lý nhất.

Công ty tăng vốn từ 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng) lên 71.925.500.000 đồng (Bảy mươi một tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

Năm 2011: Công ty thành lập 02 chi nhánh tại địa chỉ 63 Đào Duy Anh, Tp.Hồ Chí Minh và Tổ 2, ấp Long Bình, tỉnh Tây Ninh. Trong năm Công ty cũng thành lập thêm 01 cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại địa chỉ số 94, đường DT 744, tỉnh Bình Dương.

Năm 2013: Công ty đóng cửa cửa hàng xăng dầu số 1 tại số 308/04 đường ĐT747B, tỉnh

Năm 2015: Công ty tiếp tục đóng cửa cửa hàng xăng dầu số 2 tại số ấp Tân Lập, xã An Điền, tỉnh Bình Dương và thay đổi địa chỉ chi nhánh Công ty từ số 63 Đào Duy Anh, quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh sang 123 Đào Duy Anh, quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh.

Năm 2017: Công ty thay đổi địa chỉ chi nhánh Công ty từ số 123 Đào Duy Anh, quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh sang 81/15 Hồ Văn Huê, quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính: hoạt động trong lĩnh vực logistics và xuất nhập khẩu

- Địa bàn kinh doanh:

+ Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

+ Các Quận tại Thành Phố Hồ Chí Minh

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Hội Đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Do nhu cầu công tác Tổng Cty Petec đã gửi công văn thông báo về việc cử Ông Nguyễn Văn Lịch thay thế Ông Đỗ Hoàng Phúc làm người đại diện phần vốn của Tổng Cty Petec tại Cty. Ngày 27/11/2017, HĐQT Cty đã lấy ý kiến bằng văn bản của Đại Hội Đồng cổ đông về việc trên. Trên cơ sở kết quả lấy ý kiến, HĐQT đã ra nghị quyết ngày 06/12/2017 về việc Ông Nguyễn Văn Lịch được bầu làm ủy viên HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 và HĐQT đã nhất trí 100% bầu Ông Nguyễn Văn Lịch làm chủ tịch HĐQT.

Hội Đồng Quản trị:

Ông: Nguyễn Văn Lịch	Chủ tịch
Ông: Hoàng Minh Tuấn	Thành Viên
Ông Huỳnh Xuân Hồng	Thành Viên

Ban Giám Đốc:

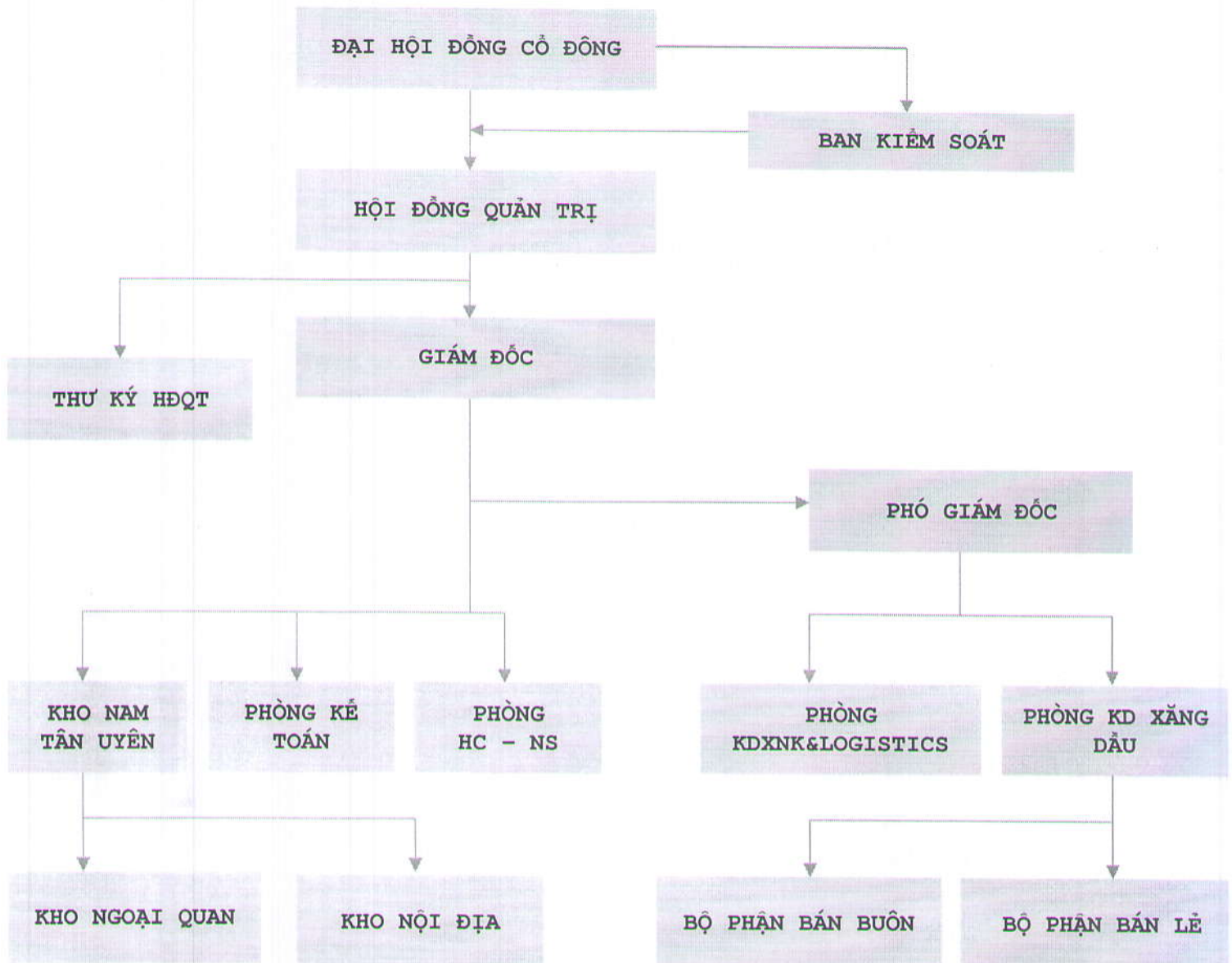
Ông: Huỳnh Xuân Hồng	Giám Đốc
Ông: Lý Hoài Nam	Phó Giám Đốc

Ban Kiểm soát:

Ông: Bùi Minh Hiệp	Trưởng Ban
--------------------	------------

Ông: Hoàng Anh Tuấn	Thành Viên
---------------------	------------

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



Đại Hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, trong đó có quyền bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát: Là những người thay mặt cho các cổ đông kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính của Công ty.

Ban Giám Đốc: Gồm Giám đốc, Phó Giám đốc.

Giám đốc công ty là người có quyền điều hành cao nhất trong công ty; trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của công ty và thi hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực của Công ty; chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc, Hội đồng quản trị, cổ đông và pháp luật về các phần việc được phân công và ủy nhiệm.

Thư ký HĐQT: Thư ký HĐQT do HĐQT bổ nhiệm, là người có nhiệm vụ hỗ trợ và thực hiện các nhiệm vụ do HĐQT giao; chịu trách nhiệm trực tiếp trước Hội đồng quản trị về các phần việc được phân công và ủy nhiệm.

Kho Nam Tân Uyên: gồm Kho ngoại quan và Kho nội địa.

Phòng Kế toán: Xây dựng, thực hiện và quản lý các hoạt động kế toán của Công ty trên cơ sở chiến lược phát triển của Công ty và theo đúng quy định Pháp luật.

Phòng Hành chính – Nhân sự: Xây dựng, thực hiện và quản lý các hoạt động hành chính và nhân sự toàn Công ty trên cơ sở chiến lược phát triển của Công ty và theo đúng quy định Pháp luật.

Phòng KDXNK và Logistics: Xây dựng, thực hiện và quản lý các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và logistics trên cơ sở chiến lược phát triển của Công ty và theo đúng quy định Pháp luật.

Phòng Kinh doanh Xăng dầu: gồm Bộ phận bán buôn và Bộ phận bán lẻ; trực tiếp quản lý hoạt động kinh doanh xăng dầu của Công ty và theo đúng quy định Pháp luật.

- Các công ty con, công ty liên kết:

- **Công ty mẹ:** không có
- **Công ty con, công ty liên kết:**

Công ty cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng Dầu

Địa chỉ: 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Giá trị khoản đầu tư: 10.000.000.000 đồng. Tỷ lệ sở hữu: 26,11%.

4. Định hướng phát triển:

▪ Mục tiêu hoạt động chủ yếu:

Mục tiêu hoạt động của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh nhằm mục tiêu mang lại lợi nhuận tối đa hợp pháp; tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động; thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

▪ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Hiện tại với đội ngũ cán bộ, công nhân viên đã qua đào tạo nghiệp vụ chuyên ngành phù hợp, với mục tiêu chính là xây dựng công ty ngày càng phát triển vững mạnh, tăng cao hiệu quả đầu tư của các cổ đông, nâng cao đời sống cán bộ, công nhân viên, đóng góp ngày càng nhiều vào ngân sách nhà nước. Công ty định hướng lĩnh vực kinh doanh chính là hoạt động kinh doanh xăng dầu và hoạt động cho thuê kho; đồng thời đặt mục tiêu giải quyết các khoản nợ xấu theo đúng quy định của pháp luật và có hiệu quả là ưu tiên hàng đầu.

Nâng cao trình độ, kinh nghiệm và khuyến khích động viên người lao động vì lợi ích chung của Công ty. Trên cơ sở các nguồn lực của Công ty tự tìm kiếm hoặc liên doanh, liên kết với đơn vị kinh tế khác để tổ chức sản xuất, kinh doanh ngành nghề pháp luật không cấm khác nhằm tăng hiệu quả sản xuất - kinh doanh của Công ty, mang lại lợi ích hài hòa cho các cổ

5. Các rủi ro:

- Tình hình kinh tế năm 2017 gặp nhiều khó khăn, trong đó vấn đề tài chính luôn là đề tài nóng bỏng cũng là sự nhức nhối của các doanh nghiệp. Việc lạm phát tăng cao cộng với sự quản lý tài chính của Ngân hàng nhà nước theo chính sách thắt chặt tín dụng, nghĩa là lãi suất vay được đẩy lên rất cao cho những món nợ vay cũ và rất khó giải ngân cho các khoản vay mới.

- Với tình hình như vậy, doanh nghiệp phải gánh chịu lãi vay rất lớn trong năm 2017, có lúc tương chừng như “ bong bóng tài chính “ sẽ vỡ khi lãi suất ngân hàng có lúc lên cao hơn mức 11%/ năm.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Các chỉ tiêu tài chính về doanh thu, lợi nhuận của năm 2017, cụ thể:

CHỈ TIÊU	Thực hiện	Kế hoạch	(%) so với kế hoạch
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	102.357.433.289	105.100.000.000	
Doanh thu dịch vụ cho thuê kho	8.533.084.684	10.800.000.000	
Doanh thu các dịch vụ phụ trợ kho	5.771.201.078	5.000.000.000	
Doanh thu kinh doanh nông sản	652.000.000	60.000.000.000	
Doanh thu kinh doanh xăng dầu	87.298.075.042	28.800.000.000	
Doanh thu dịch vụ hỗ trợ kdxđ	0	500.000.000	
Các khoản dự phòng	599.008.458		
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	116.017.355		
Dự đầu tư tài chính dài hạn	483.991.103		
Lãi vay ngân hàng	3.453.476.004	3.200.000.000	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	0		
Lợi nhuận sau khi trích dự phòng và thuế thu nhập doanh nghiệp	-4.513.844.793	1.500.000.000	

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

Ban Điều Hành:

Ông: Huỳnh Xuân Hồng

Giám Đốc

Ông: Lý Hoài Nam

Phó Giám Đốc

Ông: Mai Huy Hoàng

Kế toán trưởng

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

Số lượng người lao động trong Công ty (tính đến ngày 31/12/2017)

Cơ cấu người lao động

1	Đại học	12	30,00%
2	Cao đẳng	8	20,00%
3	Khác	20	50,00%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	40	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	-	-
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	40	100,00%

▪ **Chính sách đào tạo:**

Công ty tuyển dụng người lao động đã được đào tạo phù hợp với vị trí công tác. Trong hoạt động hàng ngày, Công ty tổ chức hướng dẫn, bồi túc chuyên môn để phù hợp với yêu cầu thực tế và nâng cao kinh nghiệm, kỹ năng xử lý nhằm hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ được giao.

▪ **Chính sách lương thưởng, phúc lợi:**

CTCP Kho vận Petec áp dụng chính sách lương đã được xây dựng phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tuân thủ các quy định hiện hành. Công ty thưởng theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thưởng cuối năm.

Công ty trang bị đầy đủ trang bị, bảo hộ lao động theo yêu cầu từng vị trí công tác; thực hiện khám sức khỏe định kỳ có chất lượng; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động; nộp đầy đủ, đúng kỳ hạn về BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho người lao động.

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:*

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. *Tình hình tài chính:*

- a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
Tổng giá trị tài sản	47,568,403,606	46,293,043,398
Doanh thu thuần	144,104,900,035	102,357,433,289
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-16,146,853,845	-4,384,648,962
Lợi nhuận khác	53,931,237,606	-129,195,831
Lợi nhuận trước thuế	37,784,383,761	-4,513,844,793
Lợi nhuận sau thuế	27,244,316,949	-4,513,844,793
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,788	(628)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán hiện hành:	Lần	0.10	0.11
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0.10	0.11
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	118.14%	128.39%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	-651.39%	-452.29%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	224.20	490.21
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	2.09	2.18
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	18.91%	-4.41%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	-122.45%	41.47%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	39.56%	-9.62%
+ Hệ số Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	%	-11.20%	-4.28%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tính đến ngày 31/12/2017 Vốn điều lệ của Công ty như sau:

+ Vốn điều lệ: 71.925.500.000 VNĐ

+ Số lượng cổ phần : 7.192.550 CP

b) Cơ cấu cổ đông:

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/12/2017:

STT	Tên	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) / VDL thực góp
1	Tổng Công Ty Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu Tư - CTCP	0300649476	194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	2.020.000	28,08%
2	CTCP Bất Động Sản & Kỹ Thuật Xăng Dầu (PETEC LAND)	0305767547	51 Trần Khánh Dư, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	800.000	11,12%

CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2017

STT	Tên	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) / VDL thực góp
3	Huỳnh Xuân Hồng	024364268	78C17 Phạm Ngũ Lão, Phường 13, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh	618.487	8,6%
4	Ngân hàng TMCP Đông Á	0301442379	130 Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	540.000	7,51%
Tổng cộng				3.978.487	55,31%

Cổ đông sáng lập:

Công ty Cổ phần Kho vận Petec được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 11/04/2007. Do đó, theo Điều 119 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, cổ phiếu phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết thời gian bị hạn chế chuyển nhượng.

Cơ cấu cổ đông:

STT	Họ tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	Cổ đông trong nước	430	7.192.550	100,00%
	<i>Tổ chức</i>	05	3.041.000	42,28%
	<i>Cá nhân</i>	425	4.151.550	57,72%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	<i>Tổ chức</i>	-	-	-
	<i>Cá nhân</i>	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	430	7.192.550	100,00%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

e) Các chứng khoán khác:

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Tại KCN Nam Tân Uyên và mua điệ trực tiếp

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty đã sử dụng nguồn nước do Công ty cấp nước Bình Dương cung cấp. Toàn bộ nguồn nước đã qua sử dụng được thải vào hệ thống thải tập trung của KCN, không sử dụng nước tái chế và tái sử dụng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Công ty luôn thực hiện đúng bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

Số lượng người lao động trong Công ty (tính đến ngày 31/12/2017)

Cơ cấu người lao động

STT	Tính chất phân loại	Năm 2017	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	40	100,00%
1	Đại học	12	30,00%
2	Cao đẳng	8	20,00%
3	Khác	20	50,00%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	40	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	-	-
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	40	100,00%

▪ **Chính sách đào tạo:**

Công ty tuyển dụng người lao động đã được đào tạo phù hợp với vị trí công tác. Trong hoạt động hàng ngày, Công ty tổ chức hướng dẫn, bồi túc chuyên môn để phù hợp với yêu cầu thực tế và nâng cao kinh nghiệm, kỹ năng xử lý nhằm hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ được giao.

▪ **Chính sách lương thưởng, phúc lợi:**

CTCP Kho vận Petec áp dụng chính sách lương đã được xây dựng phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tuân thủ các quy định hiện hành. Công ty thưởng theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thưởng cuối năm.

Công ty cũng đã đề ra các chính sách đãi ngộ khác biệt theo yêu cầu từng vị trí công tác: thực

người lao động; nộp đầy đủ, đúng kỳ hạn về BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho người lao động.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Không có

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

Kinh doanh xăng dầu:

Trong năm 2017, hoạt động kinh doanh xăng dầu của Công ty đã đi vào ổn định, một số mục tiêu chủ yếu đối với kinh doanh xăng dầu đã đạt được:

- Duy trì dòng tiền, thanh khoản cho hoạt động SXKD của Công ty: với tổng doanh thu 87,2 tỷ/năm (bình quân: 7,27 tỷ đồng/tháng) đã đảm bảo cho việc đáo nợ ngân hàng, không phát sinh nợ quá hạn...

- Giảm dần công nợ đối với khách hàng xăng dầu (dư nợ đầu năm: 10 tỷ, cuối năm là: 8,5 tỷ, trong đó nợ khó đòi là: 7,3 tỷ - đã trích dự phòng).

- Lợi nhuận gộp của KDXD là: 1,198 tỷ đồng (bán buôn: 865 trđ/sản lượng 6.240 m³ – bình quân: 138 đồng/l; bán lẻ: 333 trđ/sản lượng 276 m³ – bình quân: 1.195 đồng/l).

Tuy nhiên vẫn còn một số khó khăn và tồn tại sau:

- Do thực hiện chính sách bán hàng an toàn về công nợ tài chính, giảm dần công nợ tín chấp và quy định của Nghị định 83, nên một số khách hàng đã không tiếp tục ký hợp đồng với Cty. Do Cty không đủ điều kiện để làm Thương nhân phân phối hay Tổng đại lý, đã dẫn tới sản lượng giảm tới 50% so với năm 2016 (năm 2016, sản lượng: bán buôn - 12.290 m³; bán lẻ: 365 m³).

- Không phát triển được hệ thống bán lẻ, hiện Công ty chỉ có 01 cửa hàng bán lẻ, không đạt qui định đối với Tổng đại lý theo Nghị định 83.

- Tình hình thu hồi nợ xấu tuy có nhiều cố gắng, nhưng vẫn không đạt được kết quả nào, một số món nợ xấu như: Cty Mạnh Hồ - 1,530 tỷ, đã kiện ra tòa và vẫn đang chờ thi hành án: Nhóm Cty Vân Loan - 3,503 tỷ, tất cả tài sản đã thế chấp ngân hàng và đang bị thu giữ..

Dịch vụ cho thuê kho và các dịch vụ phụ trợ kho:

Dịch vụ cho thuê kho đã có tăng trưởng so với năm trước (tăng 50%), tuy vậy vẫn không đạt so với kế hoạch (79%) và so với năng lực của kho (67%). Năm 2017 chỉ đạt kết quả kinh doanh mảng dịch vụ cho thuê kho như trên là do: doanh thu trong 6 tháng đầu quá thấp (chỉ đạt 41%/ năng lực kho), trong thời gian này nhờ các biện pháp nghiệp vụ để tìm kiếm khách hàng như: quan hệ khách hàng, quảng cáo trên phương tiện đại chúng, qua các công ty môi giới... dẫn tới 6 tháng cuối năm đã đạt được sự tăng trưởng mạnh (bình quân đạt 88%/năng lực kho). Nguyên nhân chủ yếu việc chậm trễ trong việc tìm kiếm khách hàng là do: hiện có rất nhiều cty đã đầu tư vào kinh doanh kho bãi tại khu vực kinh doanh của Cty, trong khi nhu cầu không tăng, giá cả rất cạnh tranh, phần do Cty chỉ kinh doanh kho đơn thuần, trong khi đó nhu cầu của khách hàng chủ yếu là vừa thuê làm nhà xưởng vừa làm kho....

Mảng dịch vụ phụ trợ tại kho về doanh thu đạt so với kế hoạch, về lợi nhuận đạt 33% so với kế hoạch, nguyên nhân là do Cty chủ động thay đổi cách hạch toán trong việc phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp, phần chi phí lương của Phòng kinh doanh tổng hợp đã được đưa vào giá vốn của mảng kinh doanh này, đã làm giảm lợi nhuận so với kế hoạch.

Kinh doanh nông sản:

Mảng kinh doanh nông sản được xây dựng trên kế hoạch năm 2017 với doanh thu 60 tỷ và lợi nhuận 1,5 tỷ, chủ yếu nhằm vào 02 mặt hàng là xuất khẩu cà phê và kinh doanh nội địa hạt điều. Trong năm 2017, mảng kinh doanh này không triển khai được chủ yếu là do vấn đề tài chính. Tháng 09/2017, Cty ký hợp đồng tín dụng mới với OCB, hạn mức vay mới là 42,3 tỷ đồng (trong đó nợ cũ là: 37,3 tỷ đồng), với hạn mức khả dụng là: 5 tỷ đồng, chi đủ để đáp ứng cho mảng kinh doanh XD và luân chuyển chi phí thường xuyên, việc triển khai mảng kinh doanh nông sản là không khả thi. Ngoài ra, việc biến động không thuận lợi của thị trường nông sản cũng là nguyên nhân ngăn cản việc tham gia thị trường của CTy.

Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh xăng dầu:

Mảng kinh doanh này do nguồn khách hàng hạn chế, CTy chỉ triển khai trên cơ sở

CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2017

thiết kế và thi công bảng, biển hiệu, hộp đèn quảng cáo... Trong năm 2017, Cty mới chỉ làm được 03 cây xăng trong hệ thống đại lý của Tổng Cty Petec và 08 cây xăng trong hệ thống đại lý của CTy với doanh thu và lợi nhuận không đáng kể.

Chuyển nhượng và thanh lý tài sản:

Trong năm 2017, Cty không thực hiện việc chuyển nhượng tài sản nào có giá trị lớn. Vào tháng 03/2018, qua đánh giá Ban Điều hành nhận thấy Cty có một số tài sản như: xe ô tô Kia Carnival năm sản xuất 2007 (tình trạng: đã hết khấu hao, hao xăng, phải sửa chữa thường xuyên...), một số băng tải, máy thổi cà phê, máy phát điện, xe nâng, máy rang xay cà phê (đã hết khấu hao hoặc còn rất ít, hư hỏng nặng hoặc không còn nhu cầu sử dụng), nhằm tránh lãng phí và tập trung mọi nguồn lực cho hoạt động SXKD của Cty, Ban điều hành đã trình và được HĐQT ra nghị quyết cho phép thanh lý số tài sản nói trên theo đúng thẩm quyền và trên nguyên tắc công khai, minh bạch.

Tình hình tài chính và công nợ:

Hiện với phần tài sản còn lại (40.000m² đất và 23.328 m² kho), trong đó phần đất đã được chủ đầu tư KCN đóng đủ tiền thuê đất 1 lần cho Nhà Nước, Ngân hàng OCB đã định giá và ký hợp đồng tín dụng mới với Cty từ 09/2017, với hạn mức tín dụng mới là 42,3 tỷ, do nợ cũ còn lại là 37,2 tỷ, hạn mức khả dụng của Cty là 5 tỷ. Trong năm Cty đã giảm được 415 Trđ trong khoản nợ kinh doanh XD cho Tổng Cty PETEC (từ mức 7,393 tỷ xuống còn 6,978 tỷ), hiện công nợ lưu chuyển Cty đang cho khách hàng nợ ở mức 1,2 tỷ.

Về xử lý nợ xấu, trong năm 2016 HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành tích cực triển khai các biện pháp nhằm thu hồi nợ xấu, tuy nhiên kết quả đạt được là không khả quan. Nguyên nhân là: một số khách hàng có dính dáng pháp luật và chủ doanh nghiệp đã trốn khỏi nơi cư trú, có khách hàng thì nợ quá lớn và tài sản đã bị ngân hàng xử lý hết, có khách hàng thì tài sản đang bị tranh chấp...

Bảng chi tiết về các khoản nợ xấu và trạng thái xử lý nợ:

Khách hàng	Số đầu năm	Số cuối năm	Tình trạng xử lý
+ Công ty TNHH TM Xăng Dầu An An	173,200,000	173,200,000	Xử lý theo Vân Loan
+ Công ty CP TM DV Dầu Khí Miền Bắc	1.530.840.000	1.530.840.000	Đang trong quá trình phát mãi tài sản, thi

CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2017

+ DNTN Trạm Xăng Dầu Văn Loan	1,691,983,300	1,691,983,300	Tài sản đã cầm cố ngân hàng
+ Công ty TNHH TM Xăng Dầu Nhật Luân	1,639,900,000	1,629,900,000	Xử lý theo Văn Loan
+ Công ty CP XNK Tấn Phát	1,417,420,000	1,417,420,000	Chủ doanh nghiệp đã trốn khỏi nơi cư trú
+ Công ty TNHH TM DV Cầu Đường Trương Hoàng Long	35,366,138	35,366,138	Đang thuê Cty đòi nợ để thu hồi nợ
+ Công ty TNHH Hoàng Trung An	870,500,000	870,500,000	Chủ doanh nghiệp đã trốn khỏi nơi cư trú
+ Công ty TNHH MTV TM DV Vận Chuyển Đường Xanh	117,991,400	117,991,400	Đang thuê Cty đòi nợ để thu hồi nợ
+ Công ty TNHH MTV Vận Tải Hải Nam	146,808,100	146,808,100	Đang thuê Cty đòi nợ để thu hồi nợ
+ Công ty TNHH TM DV Nông Sản Bắc Hà	7,416,824,161	7,416,824,161	Chủ doanh nghiệp đang bị Ngân hàng quản chế do khoản nợ 220 tỷ
+ Công ty TNHH Thanh Thủy	2,434,610,384	2,434,610,384	Chủ doanh nghiệp đã trốn khỏi nơi cư trú
+ DNTN xăng dầu Ngọc Diệp		73,155,010	Xử lý theo Văn Loan
+ Cty Đức Hòa	8,084,867	8,084,867	Đang xử lý
+ Nguyễn Văn Quân	20,323,527	20,323,527	Đang xử lý
+ Phạm Tấn Thịnh	14,719,062	14,719,062	Đang xử lý
Tổng	17,518,570,939	17,581,725,949	

Trong năm 2017, phát sinh khoản nợ xấu của DNTN xăng dầu Ngọc Diệp là do, năm 2016 để xử lý một phần nợ xấu của nhóm Cty Văn Loan, Cty đã thuê cửa hàng xăng dầu Ngọc Diệp để kinh doanh bán lẻ và chuyển một phần công nợ của nhóm Cty Văn Loan sang DNTN Ngọc Diệp (cụ thể là: Cty An An: 79.169.000; Cty Văn Loan: 160.000.000; Cty Nhật Luân: 140.000.000; tổng cộng: 379.160.000). Đến năm 2017, do cây xăng Ngọc Diệp bị ngân hàng phát mãi, khoản nợ trên còn lại: 73.155.010 đã chuyển thành nợ xấu.

Các khoản nợ xấu trên đã được trích lập dự phòng nợ khó đòi 99%, hoàn tất trong

Hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác:

Nhìn chung hoạt động tài chính và đầu tư của Cty trong năm 2017 không có biến động gì lớn. Ngoài trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính bao gồm: TCT PETEC (đầu tư ban đầu 11,55 tỷ); PETEC LAND (đầu tư ban đầu 10 tỷ). Tổng lũy kế trích lập dự phòng đầu tư tài chính là: 14,625 tỷ đồng, (trích lập dự phòng trong năm là: 484 trđ).

2. *Tình hình tài chính:*

a) *Tình hình tài sản:*

Chỉ tiêu	Cộng
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	33,675,483,691
Số tăng trong năm	677,043,139
- Mua trong năm	592,070,909
- Đầu tư XDCB hoàn thành	84,972,230
- Tăng khác	-
Số giảm trong năm	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-
- Thanh lý, nhượng bán	-
- Giảm khác (kiểm kê thiếu)	-
Số dư cuối năm	34,352,526,830
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	16,307,133,310
Số tăng trong năm	1,879,563,472
- Khấu hao trong năm	1,879,563,472
- Tăng khác	-
Số giảm trong năm	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-
- Thanh lý, nhượng bán	-
- Giảm khác (kiểm kê thiếu)	-
Số dư cuối năm	18,186,696,782
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	17,368,350,381
Tại ngày cuối năm	

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay 14,617,843,718
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 2,543,342,049

b) Tình hình nợ phải trả:

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

12.1. Ngắn hạn

Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật Và Đầu Tư - Công ty Cổ Phần	7,393,089,794
Công ty TNHH DV Tổng Hợp Thành Đạt Long	25,971,688
Công ty TNHH MTV Cà Phê Tuấn Lộc	20,160,000
Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên	183,787,760
Công ty TNHH TM DV Phú Thành Luân	835,000,000
Công ty TNHH SX TM Tân Quốc Hưng	149,600,000
Đối tượng khác	50,944,300
Cộng	<u>8,658,553,542</u>

12.2. Phải trả người bán là các bên liên quan

Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật Và Đầu Tư - Công ty Cổ Phần	7,393,089,794
--	---------------

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm
Thuế và các khoản phải nộp	
Thuế giá trị gia tăng	57,182,187
Thuế thu nhập cá nhân	23,298,960

80,481,147

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn	
- Chi phí môi giới cho thuê kho	-
- Chi phí vận chuyển	-
- Chi phí khác	182,000,000
Cộng	<u>182,000,000</u>

PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số đầu năm</u>
15.1. Ngắn hạn	
- KPCĐ	119,961,961
- BHXH, BHYT, BHTN	26,840,364
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	100,000,000
+ Công ty TNHH Phước Sơn	100,000,000
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	6,460,518,169
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	150,158,222
+ Ban Giải Phóng Mặt Bằng - CHXD 1	119,065,350
+ Đối tượng khác	31,092,872
Cộng	<u>6,857,478,716</u>

15.2. Dài hạn

- Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	876,315,328
+ Công ty CP Coffee Vina	699,840,000
+ Công ty TNHH Công nghệ Cao SDS Hà Nội	-
+ Công ty TNHH INDO - TRANS KEPPEL Logistics Việt	-

+ Công ty TNHH Thép H-U Việt Nam	-
+ Công ty CP Sợi Ngọc Anh	-
+ Công ty TNHH SX TM DV Tân Tường Khang	-
+ Any Trim Enterprises	
	<u>176,475,328</u>
Cộng	<u>876,315,328</u>

DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn	
- Doanh thu cho thuê kho	<u>180,000,000</u>
Cộng	<u>180,000,000</u>

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Không có

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty: Không có

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải): Không có

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Không có

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty :

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

- Công ty đã thực hiện đúng những gì trong nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông đã đề ra.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Ban Giám Đốc đã hoàn thành công việc được giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Tiếp tục thực hiện tốt công tác tìm kiếm các đối tác, khách hàng logistics...có nhu cầu thuê kho xưởng phù hợp, để kịp thời lấp đầy diện tích kho còn trống.

Tiếp tục đàm phán với Ngân hàng để giảm lãi suất trong điều kiện Ngân hàng Nhà nước giảm lãi suất trần, tái tài trợ tín dụng, bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2017

Tích cực tìm kiếm phát triển ngành hàng sản xuất kinh doanh mới, chú trọng tìm kiếm đối tác hợp tác kinh doanh cùng ngành hàng, trên cơ sở xây dựng chuỗi dịch vụ cung ứng hoàn chỉnh.

Gấp rút hoàn thiện, bổ sung hệ thống quy chế và quy trình quản lý phù hợp với sự phát triển của Cty.

Chú trọng nâng cao năng suất lao động, trình độ chuyên môn cho CBCNV thông qua việc hỗ trợ kinh phí học tập. Vun đắp truyền thống đoàn kết, gắn bó giữa CBCNV và Cty thông qua các hoạt động tập thể như du lịch, gặp mặt gia đình CBCNV, lao động XHCN... Tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo định hướng đoàn kết, thân thiện, nhiệt huyết cả về đối nội lẫn đối ngoại.

V. Quản trị công ty:

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Đơn vị tính: VN.

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6,124,037,123	5,679,470,190

tiền				
Tiền	111	V.1	1,665,786,105	597,555,790
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4,192,646,922	4,831,582,774
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	10,816,019,159	10,804,762,78
			9,969,122,545	10,204,122,54
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	937,392,144	1,260,988,53
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(17,544,308,444)	(17,438,291,089)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.5	14,421,518	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	182,104,728	235,499,009
Hàng tồn kho	141		182,104,728	235,499,009
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		83,499,368	14,832,614
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	68,666,754	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.13	14,832,614	14,832,614
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40,169,006,275	41,888,933,416
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		91,000,000	107,550,000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.4	91,000,000	107,550,000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		32,710,925,169	34,330,794,126
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	16,165,830,048	17,368,350,38
- Nguyên giá	222		34,352,526,830	33,675,483,69
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18,186,696,782)	(16,307,133,310)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-

- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	16,545,095,121	16,962,443,74
- Nguyên giá	228		18,562,280,139	18,562,280,13
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,017,185,018)	(1,599,836,394
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3	6,929,225,378	7,413,216,481
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.3	10,000,000,000	10,000,000,00
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.3	11,554,567,000	11,554,567,00
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.3	(14,625,341,622)	(14,141,350,519
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		437,855,728	37,372,809
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	437,855,728	37,372,809
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		46,293,043,398	47,568,403,606

C. NỢ PHẢI TRẢ	300		59,433,823,951	56,195,339,366
I. Nợ ngắn hạn	310		55,499,462,427	55,319,024,038
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	7,823,056,192	8,658,553,54
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		385,718,302	264,088,302
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	80,481,147	1,504,962,41
Phải trả người lao động	314		57,481,076	239,287,570
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	443,408,618	182,000,000
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	180,000,000	180,000,000
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	6,455,408,392	6,857,478,71
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	40,073,908,700	37,321,802,60
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	110,850,882
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính	324		-	-

II. Nợ dài hạn	330		3,934,361,524	876,315,328
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	V.15	3,934,361,524	876,315,328
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(13,140,780,553)	(8,626,935,760)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	(13,140,780,553)	(8,626,935,760)
Vốn góp của chủ sở hữu	411		71,925,500,000	71,925,500,00
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		71,925,500,000	71,925,500,00
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		1,929,061,690	1,929,061,69
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(86,995,342,243)	(82,481,497,450)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(82,481,497,450)	(109,725,814,399)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(4,513,844,793)	27,244,316,94
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		46,293,043,398	47,568,403,606
(440=300+400)				

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	102,357,433,289	144,104,900,031
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		102,357,433,289	144,104,900,035
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	97,511,959,505	145,643,527,52
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4,845,473,784	(1,538,627,486)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6,304,552	75,967,640
Chi phí tài chính	22	VI.4	3,945,709,127	8,441,630,329
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		3,453,476,004	8,218,553,590
Chi phí bán hàng	25	VI.7	1,478,258,281	1,361,806,073
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	3,812,459,890	4,880,757,597
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(4,384,648,962)	(16,146,853,845)
Thu nhập khác	31	VI.5	-	54,052,781,994
Chi phí khác	32	VI.6	129,195,831	121,544,388
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(129,195,831)	53,931,237,606
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(4,513,844,793)	37,784,383,761
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	10,540,066,812
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(4,513,844,793)	27,244,316,949
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(628)	3,788
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	(628)	3,788

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VNL

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(4,513,844,793)	37,784,383,761
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2,296,912,096	3,615,322,793
- Các khoản dự phòng	03		590,008,458	348,504,934
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		6,356,031	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2,406,239)	(53,654,064,960)
- Chi phí lãi vay	06		3,453,476,004	8,218,553,590
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1,830,501,557	(3,687,299,882)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		550,109,454	3,709,377,116
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		53,394,281	814,512,293
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		595,271,572	(1,223,267,695)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(469,149,673)	610,524,417
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3,453,476,004)	(8,218,553,590)
- Thuế TNDN đã nộp	15		-	(10,540,066,812)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(110,850,885)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1,004,199,698)	(18,534,774,153)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(677,043,139)	(37,000,000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	87,235,199,102
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-

CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2017

đơn vị khác				
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2,406,239	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(674,636,900)	87,198,199,102	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	65,323,060,300	109,292,662,800	
Tiền trả nợ gốc vay	34	(62,570,954,200)	(177,728,759,597)	
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-	
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(5,771,250)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2,752,106,100	(68,441,868,047)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	1,073,269,502	221,556,902	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1 597,555,793	375,998,891	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(5,039,190)	-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	V.1 1,665,786,105	597,555,793	

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



GIÁM ĐỐC

Huyền Xuân Hồng

C. T. C. P
S. H. H. C.